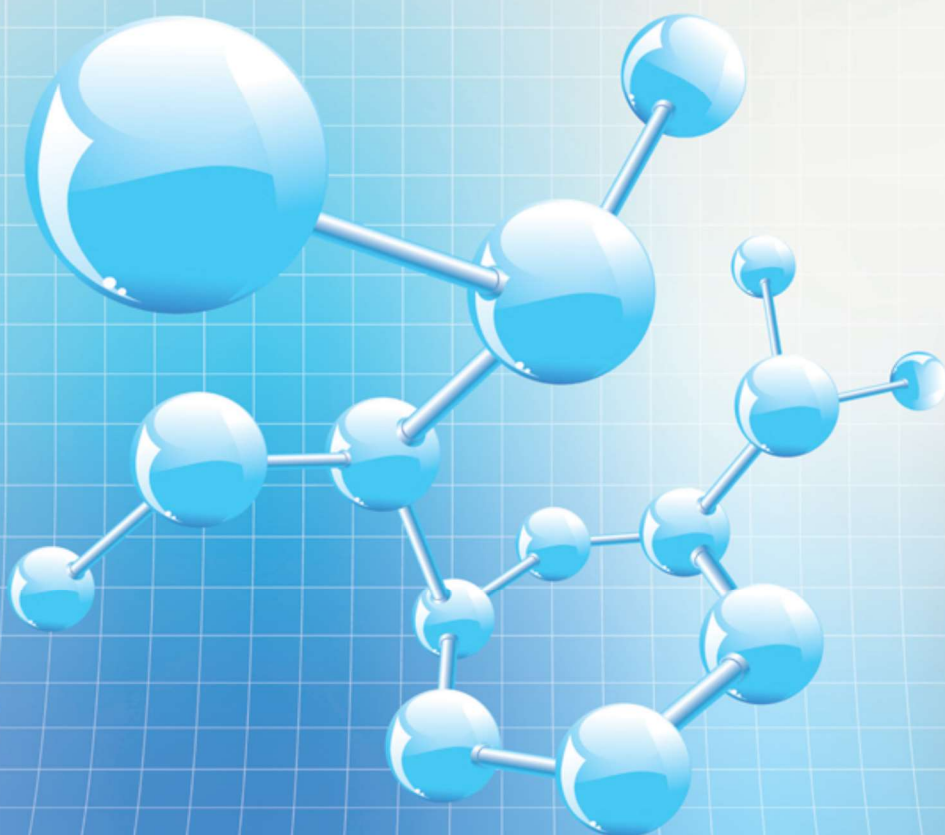




Tạp chí NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X



Số 4 (79)
2022

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đình

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

■ **Thư ký Tòa soạn**

TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

NGND.TS. Đinh Văn Nhung - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Quốc Cường

PGS.TS. Nguyễn Văn Liên

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Trần Văn Địch

GS.TS. Phạm Minh Tuấn

PGS.TS. Lê Văn Học

PGS.TS. Nguyễn Doãn Ý

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trần Thị Hà

PGS.TS. Trương Thị Thủy

TS. Vũ Quang Thập

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

TS. Bùi Văn Ngọc

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Nguyễn Văn Độ

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

■ **Ban Biên tập**

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Trưởng ban

ThS. Đào Thị Vân

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Poeple's Teacher, Dr. Dinh Van Nhung - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Quoc Cuong

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Tran Van Dich

Prof.Dr. Pham Minh Tuan

Assoc.Prof.Dr. Le Van Hoc

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Doan Y

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Tran Thi Ha

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Dr. Vu Quang Thap

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Dr. Bui Van Ngoc

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Do

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

■ **Editorial**

MSc. Doan Thi Thu Hang - Head

MSc. Dao Thi Van

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- | | | |
|---|----|---|
| Ứng dụng Bag-Of-Visual-Words trong nhận dạng cử chỉ bàn tay qua đặc trưng hình dáng của ảnh độ sâu và vị trí các khớp | 5 | Trần Nguyễn Quỳnh Trâm
Phạm Thị Hương |
| Hệ thống kiểm tra cân bằng nhanh sử dụng camera và máy tính cá nhân | 14 | Đỗ Văn Đình
Nguyễn Đình Lương
Trần Thị Huế
Nguyễn Hồng Minh
Đặng Thúy Hằng |
| Thiết kế hệ thống cảnh báo cháy trong tòa nhà cao tầng | 21 | Nguyễn Tiến Dũng
Nguyễn Văn Sơn
Đặng Khánh Hòa
Nghiêm Trọng Quân
Nguyễn Trọng Các |
| Bộ điều khiển PID thích nghi điều khiển động cơ điện một chiều | 28 | Lê Ngọc Hòa
Vũ Hồng Phong
Phạm Văn Tài
Nguyễn Đình Hùng |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- | | | |
|--|----|---|
| Nghiên cứu quá trình biến dạng tự do của vật liệu DC04 trong công nghệ dập thủy tĩnh phối tấm | 37 | Nguyễn Thị Thu
Trần Hải Đăng
Mạc Thị Nguyên |
| Xác định thông số công nghệ là hơi tối ưu cho vải len trên quan điểm tối đa độ ổn định kích thước | 42 | Phạm Thị Kim Phúc
Nguyễn Thị Hiền
Đỗ Thị Làn |
| Nghiên cứu sự ảnh hưởng bán kính dụng cụ đến chất lượng bề mặt của chi tiết máy khi miết ép dao động | 49 | Nguyễn Văn Hình
Mạc Văn Giang
Nguyễn Thị Liễu |
| Nghiên cứu sự ảnh hưởng của tổng số lượng lấy mẫu đến chất lượng của phương pháp Polynomial Chaos | 54 | Đào Đức Thụ |

NGÀNH TOÁN HỌC

- | | | |
|--|----|-----------------------|
| Một số bài toán trong kinh tế sử dụng ngôn ngữ R | 59 | Nguyễn Thị Diệp Huyền |
|--|----|-----------------------|

NGÀNH KINH TẾ

- | | | |
|--|----|------------------|
| Giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam | 66 | Nguyễn Thị Quỳnh |
|--|----|------------------|

TẠP CHÍ

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TRONG SỐ NÀY

Số 4(79) 2022

NGÀNH KINH TẾ

- | | | |
|---|----|---------------------------------------|
| Cơ hội và thách thức trong phát triển thương mại sạch hơn tại Việt Nam | 74 | Nguyễn Minh Tuấn
Phạm Thị Hồng Hoa |
| Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chăn nuôi gà đồi cho các hộ nông dân ở Thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương hiện nay | 82 | Nguyễn Mạnh Tường |

LIÊN NGÀNH HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

- | | | |
|---|----|--|
| Nghiên cứu tính chất cấu trúc và năng lượng ion hóa thứ nhất của các cluster $[Mo_6X_{14}]^{2-}$ (X = F, Cl, Br, I) bằng phương pháp phiếm hàm mật độ | 87 | Phạm Thị Diệp
Vũ Hoàng Phương
Mạc Thị Lê |
|---|----|--|

LIÊN NGÀNH KHOA HỌC TRÁI ĐẤT - MỎ

- | | | |
|--|----|----------------------------------|
| Dịch vụ du lịch của Thành phố Chí Linh | 93 | Trần Hoàng Yến
Đặng Thị Thanh |
|--|----|----------------------------------|

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

- | | | |
|---|-----|------------------------------|
| Vận dụng Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy triết học Mác-Lênin hiện nay | 100 | Trần Mai Ước |
| Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 | 106 | Phạm Thị Mai
Đỗ Thị Thùy |
| Triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay | 113 | Đặng Thị Dung
Đỗ Thị Thùy |
| Sử dụng sơ đồ tư duy trong giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại Trường Đại học Sao Đỏ | 121 | Nguyễn Thị Tình |

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|---|----|--|
| Using Bag-Of-Visual-Words in dynamic hand gesture recognition from shape features of depth image and hand skeletons | 5 | Tran Nguyen Quynh Tram
Pham Thi Huong |
| Quick balance check system using camera and personal computer | 14 | Do Van Dinh
Nguyen Dinh Luong
Tran Thi Hue
Nguyen Hong Minh
Dang Thuy Hang |
| 2D map and laser sensor-based guidance for an autonomous robot | 21 | Tien Dzung Nguyen
Van Son Nguyen
Dang Khanh Hoa
Nghiem Trong Quan
Nguyen Trong Cac |
| Adaptive PID controller to control DC motor | 28 | Le Ngoc Hoa
Vu Hong Phong
Pham Van Tai
Nguyen Dinh Hung |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|--|----|---|
| Research on the bulging stage in the hydrostatic forming for sheet of carbon steel DC04 | 37 | Nguyen Thi Thu
Tran Hai Dang
Mac Thi Nguyen |
| Determination the parameter of the optimal steaming iron technology for wool fabric on maximum the stable of dimension point of view | 42 | Pham Thi Kim Phuc
Nguyen Thi Hien
Do Thi Lan |
| Research on the influence of tool radius on surface quality of machine parts in oscillating smoothing process | 51 | Nguyen Van Hinh
Mac Van Giang
Nguyen Thi Lieu |
| Study on the effects of total sampling quantity on the quality of Polynomial Chaos method | 54 | Dao Duc Thu |

TITLE FOR MATHEMATICS

- | | | |
|---|----|-----------------------|
| Some maths problems in economy use the language R | 59 | Nguyen Thi Diep Huyen |
|---|----|-----------------------|

TITLE FOR ECONOMICS

- Digital transformation solutions for small and medium enterprises in Vietnam 66 Nguyen Thi Quynh
- Opportunities and challenges in cleaner trade development in Vietnam 74 Nguyen Minh Tuan
Pham Thi Hong Hoa
- Recent status and some solutions to improve the efficiency of the hill chicken breeding for farmer households in Chi Linh City in Hai Duong province 82 Nguyen Manh Tuong

TITLE FOR CHEMISTRY AND FOOD TECHNOLOGY

- Study of structural properties and first ionization potential of clusters $[Mo_6X_{14}]^{2-}$ ($X = F, Cl, Br, I$) by the density functional method 87 Pham Thi Diep
Vu Hoang Phuong
Mac Thi Le

TITLE FOR EARTH SCIENCE - MINING

- Tourism service in Chi Linh city 93 Tran Hoang Yen
Dang Thi Thanh

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- Theoretical and practical problems in applying the Party's XIII congress document to the teaching of Marxist-Leninist philosophy today 100 Tran Mai Uoc
- Building and training industrial style for students of Sao Do University in the era of industrial revolution 4.0 106 Pham Thi Mai
Do Thi Thuy
- Ho Chi Minh's educational philosophy and the application of the Communist Party of Vietnam today 113 Dang Thi Dung
Do Thi Thuy
- Using mindmaps in teaching History of the Communist Party of Vietnam at Sao Do University 121 Nguyen Thi Tinh

Giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam

Digital transformation solutions for small and medium enterprises in Vietnam

Nguyễn Thị Quỳnh

Email: quynhnguyen.neu@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 15/7/2022

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 18/10/2022

Ngày chấp nhận đăng: 03/01/2023

Tóm tắt

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang phải đối mặt với những thách thức rất lớn từ tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, nhanh chóng hồi phục sau đại dịch, chuyển đổi số là một trong những nội dung cốt yếu mà các doanh nghiệp này cần phải thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang gặp khó khăn nhất trong việc chuyển đổi số, quá trình chuyển đổi số được thực hiện chưa đồng bộ, chỉ mới dừng lại ở một số hoạt động nhỏ lẻ. Do đó trong giai đoạn tới cần xây dựng chiến lược và lộ trình chuyển đổi cụ thể, hỗ trợ tài chính và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Chuyển đổi số; kinh tế số; doanh nghiệp nhỏ và vừa; thương mại điện tử.

Abstract

Small and medium-sized enterprises are facing huge challenges from the negative impact of the Covid-19 pandemic. In order to improve competitiveness and quickly recover from the pandemic, digital transformation is one of the key contents that these businesses need to implement. The research results show that small and medium-sized enterprises are facing the most difficulties in digital transformation, the digital transformation process is not synchronized, only stopping at a few small activities. Therefore, in the coming period, it is necessary to develop a specific transformation strategy and roadmap, provide financial support and improve the quality of human resources to help businesses overcome difficulties and improve their competitiveness in the current context now.

Keywords: Digital transformation; digital economy; Small and medium-sized enterprises; e-commerce.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	CĐS	Chuyển đổi số
2	CNTT	Công nghệ thông tin
3	CMCN	Cách mạng công nghiệp
4	DN	Doanh nghiệp
5	DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, chuyển đổi số (CĐS) đã diễn ra ở hầu hết các loại hình doanh nghiệp (DN) và với nhiều mức độ khác nhau. Quá trình CĐS đã bắt đầu diễn ra, song rõ nét hơn cả là trong những ngành như tài chính, giao thông, du lịch,... Chính phủ và chính quyền các cấp

đang nỗ lực xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Hơn 30 thành phố dự định xây dựng Smart City với các nền tảng công nghệ mới... Tuy nhiên, có một sự khác biệt rõ ràng giữa thực tế CĐS cũng như sự kỳ vọng về hiệu quả của CĐS giữa các DN với quy mô khác nhau. Trong đó, các DN quy mô lớn chuyển đổi nhanh cũng như tin tưởng hơn đối với CĐS. Tại những DN này, đối tượng khách hàng thường đa dạng, nên CĐS được thể hiện thông qua nhiều yếu tố. Nhiều DN đã xây dựng hệ thống quản lý khách hàng thống nhất qua các ứng dụng mobile. Qua đó, giúp khách hàng tích hợp và quản lý thông tin khi sử dụng nhiều dịch vụ khác nhau như thanh toán các hóa đơn gia đình, tiền điện, mua sắm hay các dịch vụ nghỉ dưỡng,...

Các DN Việt Nam nói chung, nhất là DNNVV vẫn chưa nhận thức đúng vai trò của CĐS trong cuộc CMCN 4.0, cụ thể, theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), hiện DNNVV của Việt Nam chiếm khoảng 97% tổng số DN đang hoạt động. Trong khi đó, trình độ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của cộng

Người phản biện: 1. PGS. TS. Lê Xuân Đình
2. PGS. TS. Lưu Ngọc Trịnh

đồng DN nói chung còn thấp, có tới 80-90% máy móc sử dụng trong các DN Việt Nam là nhập khẩu, gần 80% là những công nghệ cũ từ thập niên 1980-1990. Vì vậy, đổi mới là vấn đề sống còn đối với các DN này. Theo kế hoạch, năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ tiếp tục lựa chọn các nền tảng số xuất sắc để hỗ trợ các DNNVV, với mục tiêu sẽ có 30 ngàn DN được hỗ trợ CDS [1].

Hiện nay, các DNNVV tuy chiếm số lượng lớn nhưng là nhóm gặp khó khăn nhất trong việc CDS. Mặc dù đã nhận thức được về sự cần thiết của CDS, song do khả năng sản xuất còn hạn chế, mức độ tự động hóa còn chưa cao, nên các DNNVV khó áp dụng CDS.

2. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

2.1. Lý thuyết về chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Có hai lý thuyết phù hợp với hoạt động CDS của các DNNVV là lý thuyết về năng lực quản lý động và lý thuyết về năng lực tổ chức.

Lý thuyết về năng lực quản lý động đề cập đến khả năng các nhà quản lý xây dựng, tích hợp và tái cấu trúc các nguồn lực của tổ chức (Adner & Helfat, 2003). Lý thuyết này cho rằng chính nhà quản lý các DNNVV là người thúc đẩy tổ chức của họ CDS và là chìa khóa dẫn đến thành công [2].

Lý thuyết về năng lực tổ chức đề cập đến năng lực mà DN thực hiện một hoạt động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu trong những hoàn cảnh khác nhau (Helfat & Winter, 2011). Khi tham gia vào các thị trường năng động, các DNNVV cần thay đổi nhanh chóng, nghiên cứu và phát triển nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh [2].

2.2. Các hoạt động chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các hoạt động CDS của DNNVV bao gồm việc số hóa dữ liệu, áp dụng công nghệ số để tự động hóa, tối ưu quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý, sản xuất kinh doanh hoặc chuyển đổi toàn bộ mô hình kinh doanh, tạo thêm giá trị mới cho DN. Bởi vậy, DN cần nhận thức rõ CDS là sự thay đổi về quy mô, điều chỉnh cấu trúc, quy trình hoặc văn hóa kinh doanh nhằm mang lại tác động tích cực và sự phát triển lâu dài, bền vững.

2.3. Cấp độ chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Trong Chương trình hỗ trợ DN về CDS giai đoạn 2021-2025 và Dự án thúc đẩy cải cách và nâng cao năng lực kết nối của DNNVV (LinkSME), các chuyên gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) cho rằng, có ba cấp độ CDS trong DNNVV [3], bao gồm (1) *Định hướng chiến lược* Là giai đoạn DN cần xác định và tích hợp chiến lược CDS vào chiến lược phát triển chung, đảm bảo phù hợp với

tình hình thực tế và khả năng chuyển đổi của tổ chức. (2) *Chuyển đổi mô hình kinh doanh* là việc chuyển đổi từ các kênh bán hàng truyền thống sang bán hàng đa kênh, áp dụng công nghệ số vào hoạt động chăm sóc khách hàng để tạo ra giá trị mới thông qua sử dụng các kênh bán hàng hiện đại và các sàn thương mại điện tử. Các ứng dụng trên điện thoại di động phục vụ mục đích giao hàng và vận chuyển sản phẩm có thể đáp ứng đúng nhu cầu mà các đơn vị kinh doanh đang tìm kiếm. Bên cạnh đó, DN có thể dễ dàng tiếp cận tới khách hàng tại các khu vực địa lý khác nhau thông qua các nền tảng quảng cáo trực tuyến. Thực hiện áp dụng công nghệ số đối với kênh tiếp thị, bán hàng và phân phối là yếu tố then chốt để DN nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Và (3) CDS năng lực quản trị là việc DN tập trung phát triển và duy trì năng lực quản trị nội bộ để giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Mô hình quản trị bao gồm con người và tổ chức, hệ thống công nghệ thông tin và quản trị dữ liệu, các nghiệp vụ quản lý, quản trị rủi ro và an ninh mạng cần được tổ chức một cách linh hoạt, phù hợp với yêu cầu quản trị của từng thời kỳ. DN có thể ứng dụng các giải pháp như hoạch định nguồn lực ERP, phần mềm chăm sóc khách hàng CRM, các hệ thống chấm công, tính lương, hệ thống bán lẻ POS, hệ thống quản lý kênh phân phối,... để số hóa quy trình quản lý. Ngoài ra, DN có thể phân tích dữ liệu nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

2.4. Các giai đoạn chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ

CDS của DNNVV thường bao gồm 3 giai đoạn:

(1) *Giai đoạn “Doing Digital”*: CDS tại các DN được triển khai riêng lẻ, chưa có tính kết nối. Giai đoạn “doing digital” thuộc cấp độ 1 (Định hướng chiến lược). Giai đoạn này, DN cần tận dụng các giải pháp công nghệ, nâng cao trải nghiệm khách hàng nhằm đạt được mục tiêu. DN thường sử dụng những nguồn lực sẵn có hoặc những nguồn lực dễ tiếp cận với chi phí hợp lý và phù hợp với khả năng của DN để triển khai.

(2) *Giai đoạn “Becoming Digital”*: Là giai đoạn thuộc cấp độ 2 (CDS mô hình kinh doanh). Trong đó, DN chú trọng áp dụng công nghệ số ở phạm vi rộng, có sự kết nối giữa các chức năng. Giai đoạn này thường chú trọng đến việc CDS mô hình kinh doanh để thay đổi mô hình quản trị nhằm mang lại hiệu quả tối ưu cho việc điều hành DN và duy trì tăng trưởng. Sự phát triển liên tục trong giai đoạn này tạo điều kiện cho DN chuyển đổi tổ chức ở giai đoạn tiếp theo.

(3) *Giai đoạn “Being Digital”*: Là giai đoạn thuộc cấp độ 3 (CDS năng lực quản trị). Đây là giai đoạn CDS hoàn toàn, tập trung vào việc kết nối, tích hợp đồng bộ các hệ thống kinh doanh và quản trị của DN. Thông tin sẽ được chia sẻ xuyên suốt các phòng ban và theo thời gian thực. Các giải pháp kết nối toàn bộ DN cần được

triển khai ở giai đoạn này, trên cơ sở xem xét cấu trúc DN và các hệ thống hiện có cũng như năng lực của nhà quản trị.

3. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TẠI VIỆT NAM

Tại Việt Nam, DNNVV (phân loại theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số DN. Số DNNVV tăng qua các năm, năm 2018 có 593.864 (chiếm 97,3% tổng số DN), năm 2019 với 651.138 (chiếm 97,4% tổng số DN) và năm 2020, theo Phan Anh (2021), số DNNVV là 796.119 DN, chiếm 98,1% tổng số DN. Các DNNVV đóng góp đáng kể vào GDP quốc gia với tỷ lệ gần 50%. Về kết quả hoạt động kinh doanh: Năm 2018-2019, lợi nhuận kế toán trước thuế của DN nhỏ và siêu nhỏ đều âm. Trong đó, năm 2019, DN nhỏ lỗ 3.353 tỷ đồng, so với lỗ 10.517 tỷ đồng năm 2018; DN siêu nhỏ lỗ 71.252 tỷ đồng năm 2019, nặng hơn so với năm 2018 lỗ 44.759 tỷ đồng). Năm 2019, DN vừa đóng góp 27.138 tỷ đồng lợi nhuận kế toán trước thuế (giảm 975 tỷ đồng so với năm 2018) [4].

Bảng 1. Số lượng DN có kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận trước thuế năm 2018-2019

Chỉ tiêu	Số lượng doanh nghiệp có kết quả hoạt động kinh doanh		Lợi nhuận trước thuế	
	2018	2019	2018	2019
DN siêu nhỏ	408.067	448.031	-44.759	-71.252
DN nhỏ	165.089	179.319	-10.517	-3.353
DN vừa	20.708	22.788	28.113	27.138
DN lớn	16.772	17.367	921.525	937.419
Tổng cộng	610.636	668.505	894.363	889.942

(Nguồn: [3])

Theo quy mô DN: Bình quân giai đoạn 2016-2019, các DN nhỏ và siêu nhỏ chiếm 93,7% trong tổng số DN cả nước, trong đó số DN siêu nhỏ tăng 62,8% so với bình quân giai đoạn 2011-2015, DN nhỏ tăng 41,4%; DN có quy mô vừa và lớn chiếm lần lượt là 3,5% và 2,8% trong tổng số DN cả nước, tăng 49,5% và 37,5% tương ứng so với bình quân giai đoạn 2011-2015 [4].

Theo báo cáo “Chỉ số phát triển kỹ thuật số của SMEs khu vực châu Á - Thái Bình Dương” của tổ chức Cisco, năm 2020 có tới 72% DNNVV tại Việt nam đang tìm cách CDS để có thể đưa các sản phẩm và dịch vụ mới ra thị trường (tăng đáng kể so với mức 32% của năm 2019). Báo cáo cũng cho biết, quá trình CDS của DNNVV tại Việt nam có thể đóng góp từ 24-30 tỷ USD vào GDP vào năm 2024 và góp phần vào phục hồi kinh tế hậu Covid-19. Theo khảo sát của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, có đến hơn 80% lãnh đạo DN sẵn sàng thực hiện CDS và 65% DN nỗ lực đầu tư vào CDS. Con số này đã cho thấy nhu cầu CDS cũng như tinh thần sẵn sàng chuyển mình theo xu thế của khối DN này. Thêm vào đó, những biến cố của đại

dịch Covid-19 gây ra trong năm 2020 và nửa đầu năm 2021 chính là cú hích để cho các DNNVV quyết tâm thực hiện CDS [5].

Tuy vậy, quá trình CDS của các DNNVV tại Việt Nam được thực hiện chưa đồng bộ, chỉ mới dừng tại một số hoạt động nhỏ lẻ. Thực trạng ứng dụng công nghệ số trong các khâu của hoạt động sản xuất kinh doanh tại DNNVV cho thấy:

- Trong hoạt động quản trị nội bộ, điện toán đám mây là công cụ kỹ thuật được nhiều DN sử dụng, tiếp đến là hệ thống hội nghị trực tuyến, hệ thống quản lý công việc và quy trình. Theo kết quả khảo sát của VCCI, dịch vụ điện toán đám mây đang được khối các DNNVV đánh giá là quan trọng trong lĩnh vực quản trị nội bộ trước, trong và sau giai đoạn Covid-19. Đặc biệt, Covid-19 đã thúc đẩy các DNNVV thay đổi cấu trúc quản trị nội bộ. Theo số liệu khảo sát, một tỷ lệ đáng kể, khoảng 25,9% DN áp dụng dịch vụ điện toán đám mây; 25,4% DN áp dụng hệ thống quản lý công việc và quy trình; 23,5% DN áp dụng hội nghị trực tuyến và 21,2% DN áp dụng hệ thống quản lý nhân sự từ xa khi có Covid-19 [6].

- Trong lĩnh vực mua hàng, thanh toán điện tử là công cụ được DN áp dụng nhiều nhất, trong khi đó trao đổi dữ liệu điện tử chưa được nhiều DN áp dụng do nền tảng trực tuyến vẫn còn chứa đựng nhiều rủi ro như mất mát dữ liệu, các vấn đề liên quan đến an ninh và sự riêng tư của dữ liệu. Trong khối các DNNVV, công cụ thanh toán điện tử được áp dụng cao hơn nhiều so với trao đổi dữ liệu điện tử. Trước Covid-19 mới có khoảng 45,9% DN ứng dụng công cụ này, nhưng từ khi có Covid-19 tỷ lệ DN ứng dụng đã tăng lên đáng kể, khoảng 18,9% DN ứng dụng mới [6].

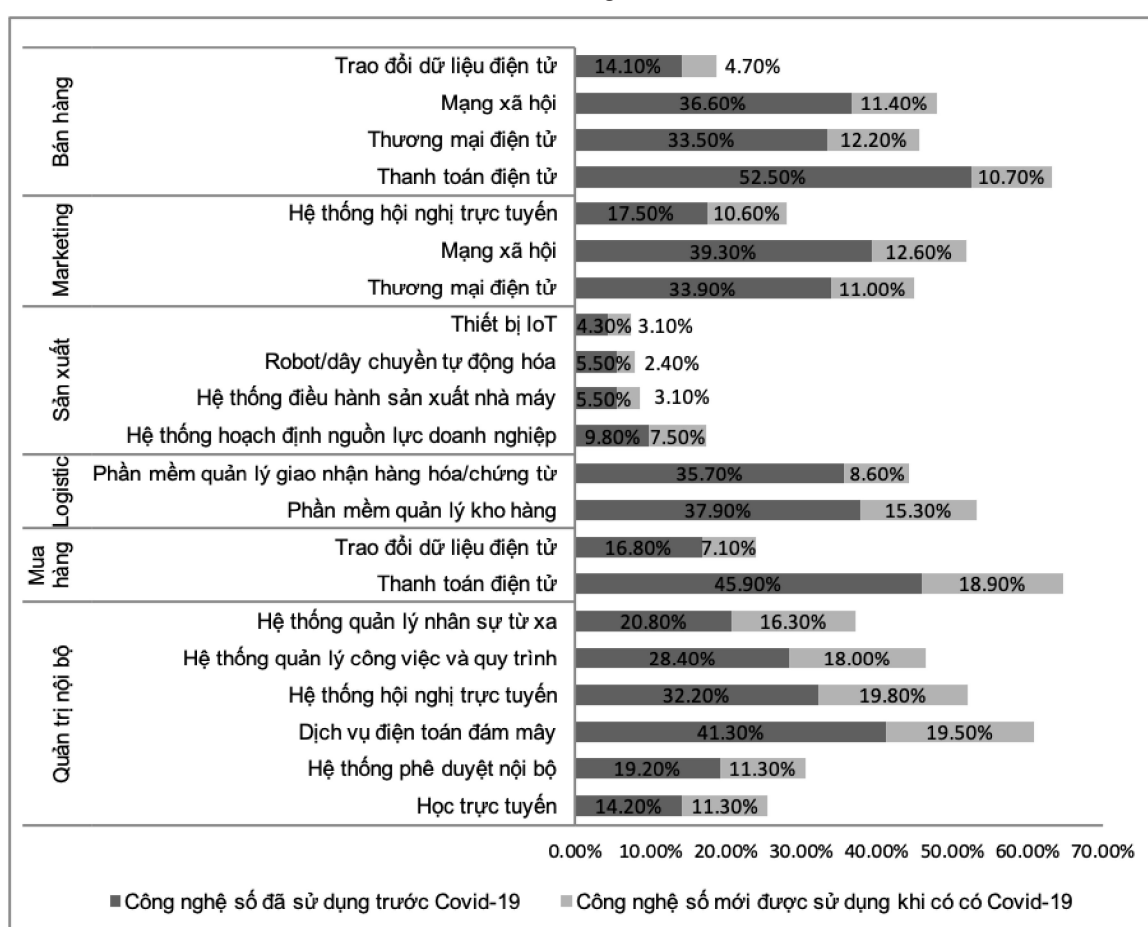
- Trong hoạt động logistics, DNNVV đã ý thức được tầm quan trọng của công nghệ số trong lĩnh vực logistics. Trước khi Covid-19, có tới 35-37% DN đã áp dụng công nghệ số, dịch bệnh Covid-19 đã không ảnh hưởng quá lớn đến ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực logistics của DNNVV.

- Trong sản xuất, mặc dù công nghệ số giúp DN nắm bắt thực trạng sử dụng dây chuyền sản xuất, phân tích hiệu suất công việc, quản lý bảo trì máy móc,... Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ số trong khối DNNVV khá hạn chế, khi chỉ có khoảng dưới 10% DN ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất. Tỷ lệ DN ứng dụng công cụ kỹ thuật số trong lĩnh vực sản xuất ở thời điểm Covid-19 nhỏ nhất trong bốn giai đoạn. Điều này, một phần do chi phí ứng dụng công cụ kỹ thuật số khá cao đã cản trở việc ứng dụng công nghệ số. Tuy nhiên, tỷ lệ các DN xem xét ứng dụng công cụ kỹ thuật số trong lĩnh vực sản xuất trong năm 2021 lại khá cao so với trước Covid-19 và trong thời gian có dịch bệnh. Trong khối các DNNVV, công cụ thanh toán điện tử được áp dụng cao hơn nhiều so với trao đổi dữ liệu điện tử.

- Trong hoạt động marketing, những công cụ kỹ thuật số được biết đến nhiều nhất trong hoạt động marketing của DN là thương mại điện tử, mạng xã hội và hệ thống hội nghị trực tuyến. Đặc biệt, với sự bùng nổ của Facebook, Google và các trang giao dịch mua sắm điện tử thì marketing thông qua mạng xã hội và thương mại điện tử đã trở nên rất phổ biến tại thị trường Việt Nam trong vài năm trở lại đây bởi mức độ hiệu quả trong gia tăng mối quan hệ giữa DN và khách hàng, tăng trải nghiệm mua sắm của khách hàng, không đòi hỏi chi phí đầu tư cao, không yêu cầu các công nghệ quá hiện đại, lại dễ dàng áp dụng trong thực tế sản xuất kinh doanh, đã khiến các công cụ này có mức độ sử dụng tại các DN khá cao. Các DNNVV cũng ứng dụng công cụ kỹ thuật số trong lĩnh vực này khá nhiều

trước Covid-19 đặc biệt là công cụ thương mại điện tử và mạng xã hội. Dịch Covid-19 cũng tác động đáng kể đến khối DN này trong lĩnh vực marketing, tổng các DN bắt đầu ứng dụng công cụ này khi có dịch bệnh và cũng như trong năm nay chiếm khoảng 22-32% [6].

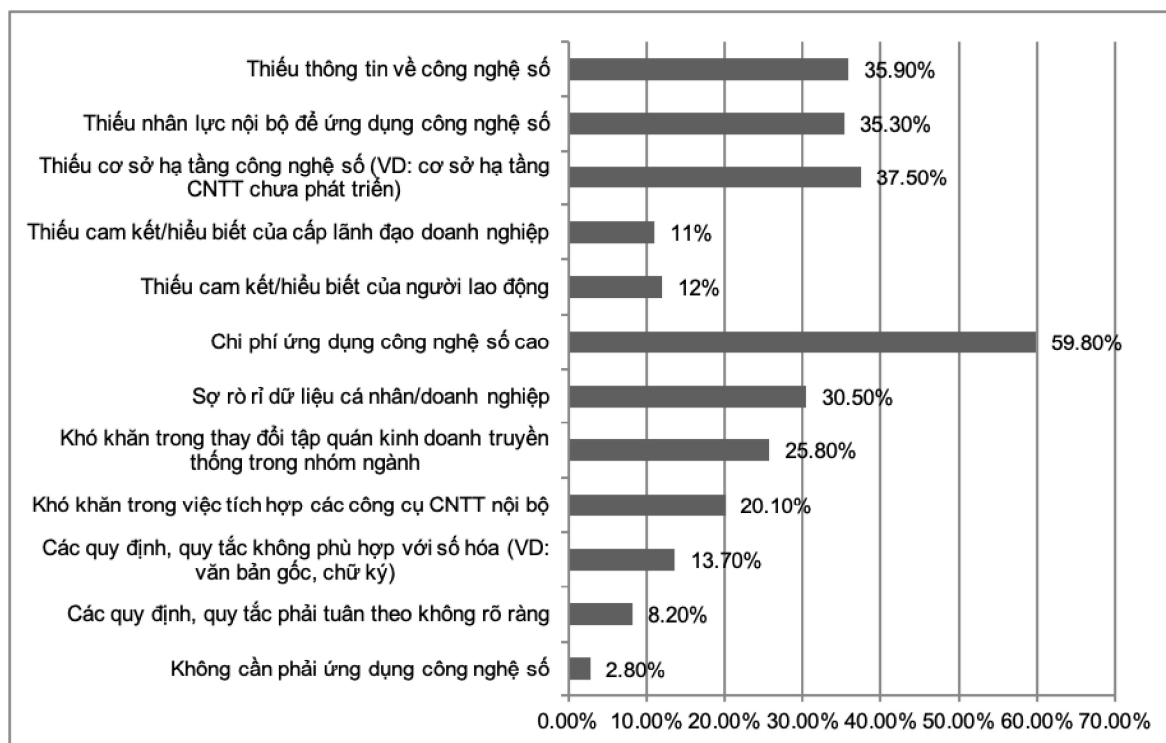
- Trong hoạt động bán hàng, tương tự như trong hoạt động mua hàng, thanh toán điện tử vẫn là công cụ kỹ thuật số có tỷ lệ DN áp dụng cao nhất. Thanh toán điện tử được phần lớn các DNNVV ứng dụng trong lĩnh vực bán hàng trong suốt quá trình trước, trong hoặc sau khi có Covid-19, nhất là năm nay. Mạng xã hội và thương mại điện tử cũng được khối DN này khá coi trọng, khi trước Covid-19 có khoảng 33-36% số DN này ứng dụng và tỉ lệ này vẫn được duy trì trong thời gian đại dịch.



Hình 1. Thực trạng ứng dụng công nghệ số trong các khâu của hoạt động sản xuất - kinh doanh tại DNNVV (Nguồn: [6])

Tuy nhiên, quá trình CĐS, so với các DN lớn, các DNNVV còn gặp những rào cản và khó khăn nhất định, nhất là trong việc ứng dụng công nghệ số. Ngoài trừ một số rào cản như thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ số (Ví dụ, cơ sở hạ tầng CNTT chưa phát triển); thiếu cam kết/hiểu biết của người lao động; sợ rò rỉ dữ liệu cá nhân/DN; các quy định, quy tắc không phù hợp,... thì DN lớn gặp nhiều rào cản hơn so với DNNVV. Đặc

biệt, chi phí ứng dụng công nghệ số cao là rào cản lớn nhất đối với cả DNNVV cũng như DN lớn với 59,8% DNNVV, 48,3% DN lớn gặp khó khăn trong vấn đề này. Ngoài ra, đối với DNNVV, việc thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ số và sợ rò rỉ thông tin cá nhân là rào cản khá lớn. Thiếu nhân lực nội bộ để ứng dụng công nghệ số cũng là những rào cản đáng kể trong việc ứng dụng công nghệ số của nhóm DN này [6].



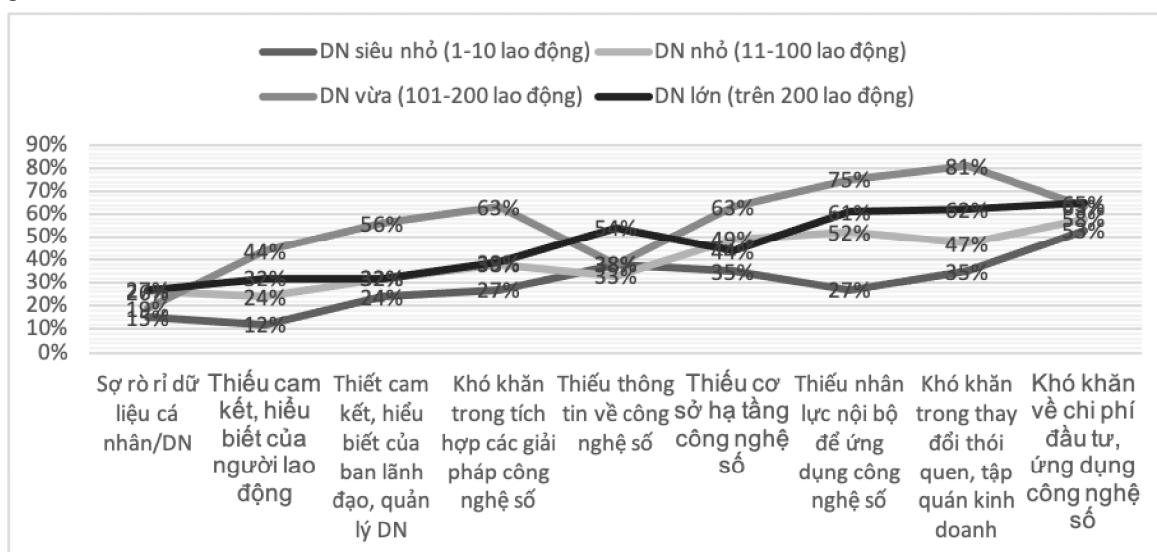
Hình 2. Rào cản của DNNVV khi ứng dụng CDS

(Nguồn: [6])

Việc CDS vẫn chủ yếu diễn ra ở các DN lớn, đa số DNNVV vẫn phản ứng thụ động với những thay đổi của thị trường và không thực sự nỗ lực CDS. DNNVV của Việt Nam đứng sau cả Philippines và Indosnesia về CDS do hầu hết chưa có chiến lược ứng dụng các công nghệ số, chưa chủ động cao trước phản ứng thị trường hay chưa có chiến lược số hóa để đổi mới và chủ yếu gặp khó khăn do vấn đề chi phí, công nghệ.

Xét theo quy mô DN, thứ tự các khó khăn có phần khác nhau, giữa các DN nhỏ và siêu nhỏ, so với các DN có

quy mô vừa và lớn. Nhìn chung, các DN nhỏ và siêu nhỏ, do tiềm lực tài chính hạn chế, nên gặp khó khăn nhiều nhất, về chi phí đầu tư, ứng dụng công nghệ (với tỷ lệ lần lượt đạt 58% và 53%). Trong khi đó, các DN có quy mô vừa và lớn có tiềm lực tài chính tốt hơn thì gặp rào cản nhiều nhất về thay đổi thói quen, tập quán kinh doanh. Điều này một phần do các DN có quy mô vừa và lớn có bộ máy, quy trình phức tạp hơn các DN nhỏ và siêu nhỏ, vì thế sẽ khó khăn hơn khi thích ứng với thay đổi [7].



Hình 3. Các rào cản, khó khăn của DN khi CDS theo quy mô DN

(Nguồn: [7])

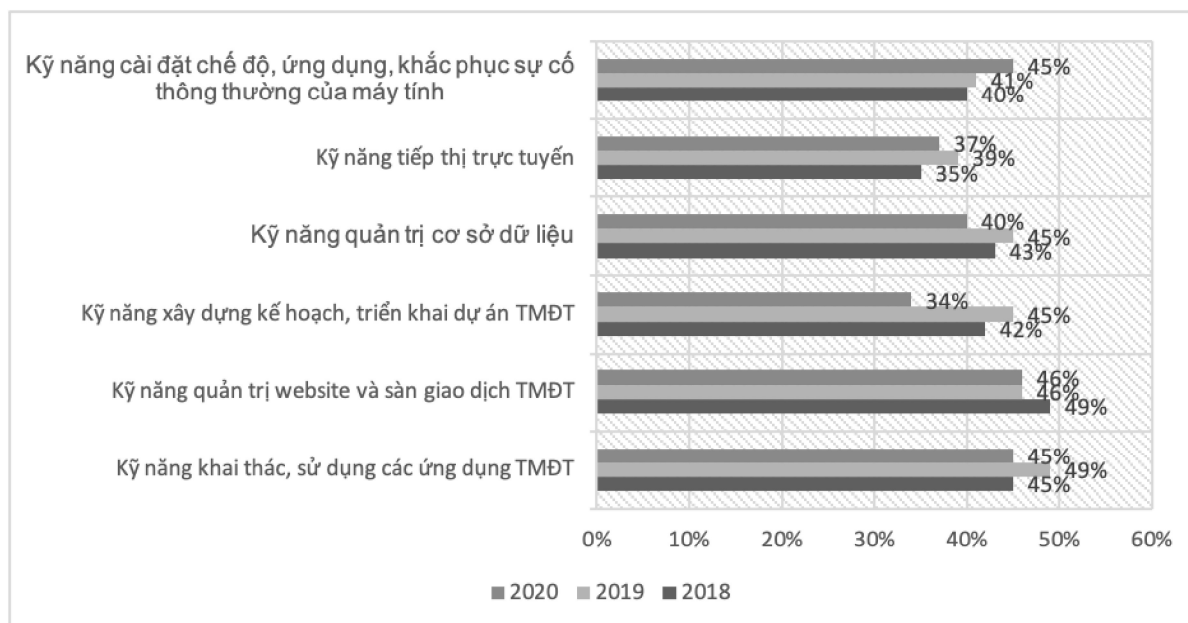
Thêm vào đó, quá trình CDS ở khu vực DN vừa và nhỏ cũng kéo theo các vấn đề nóng về an toàn, an ninh thông tin bởi các DN này là một trong những đối tượng

thường bị hacker nhắm đến, do năng lực công nghệ và đảm bảo an toàn thông tin chưa được đầu tư mạnh. Vô hình chung, nỗi lo về đảm bảo an ninh mạng, an toàn

thông tin đã khiến các DN này chần chừ hoặc chùn bước, đánh mất những lợi ích của quá trình số hóa.

Một rào cản nữa trên con đường CĐS của các DNNVV là khó khăn khi tuyển dụng lao động có kỹ năng về thương mại điện tử và công nghệ thông tin. Về mặt nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyển đổi, tỷ lệ DNNVV có người lao động, cán bộ chuyên trách có kỹ năng về công nghệ thông tin (CNTT) và thương mại điện tử (TMĐT) chiếm tỷ lệ nhỏ (chỉ có 28% và 26% lần

lượt trong năm 2018 và 2019). Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, các DNNVV gặp một số khó khăn trong tuyển dụng nhân viên ở một số kỹ năng đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT và TMĐT, khi tỷ trọng này tương đối cao khoảng 40-50%. Trong đó, một số kỹ năng khai thác và sử dụng các ứng dụng TMĐT, kỹ năng quản trị website, kỹ năng cài đặt chế độ, ứng dụng và khắc phục sự cố thông thường của máy tính được các DNNVV đặc biệt quan tâm và gặp khó khăn [7].

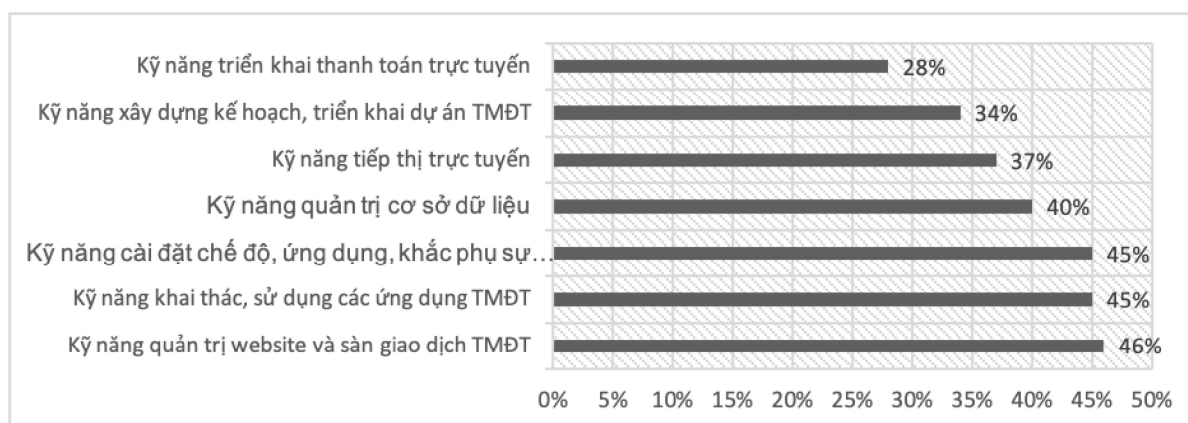


Hình 4. Các kỹ năng cần thiết về TMĐT

(Nguồn: [8])

Hiện nay, chỉ có trên dưới 30% DN đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực này và khoảng 32% DN gặp

khó khăn khi tuyển dụng lao động có kỹ năng về TMĐT và CNTT [8].



Hình 5. Các kỹ năng chuyên ngành CNTT-TMĐT khó tuyển dụng hiện nay

(Nguồn: [8])

Trước những rào cản, khó khăn trên, để CĐS hiệu quả, DN nói chung, DNNVV nói riêng cần thay đổi tư duy, nhận thức rõ về CĐS, chấp nhận điều chỉnh cấu trúc, quy trình hoặc văn hóa kinh doanh. CĐS thành công sẽ mang lại tác động tích cực lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của mọi loại hình, quy mô DN.

4. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Đối với các DNNVV, trong bối cảnh đại dịch Covid-19

vẫn đang tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường, CĐS trong sản xuất kinh doanh vừa là cơ hội để vượt qua khó khăn, đồng thời cũng vừa là tiền đề để hội nhập, không để bị tụt hậu xa hơn trước những yêu cầu đặt ra của công nghệ do Cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến. Điều đó, đòi hỏi sự thay đổi tổng thể về mặt nhận thức, định hướng chiến lược, mô hình kinh doanh, mô hình quản trị ở mỗi DN. Theo đó, DN cần nhận thức rõ CĐS là sự thay đổi quy mô lớn, đòi hỏi phải điều chỉnh cấu trúc, quy trình hoặc văn hóa kinh doanh cơ bản song sẽ mang lại tác động tích cực lớn

đến sự phát triển lâu dài và bền vững của DN. Vì vậy, trong giai đoạn tới để thúc đẩy phát triển CDS, các DNNVV cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng chiến lược CDS cho DN. Chiến lược CDS cần gắn với chiến lược kinh doanh, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng chuyển đổi của DN. DN cần đánh giá được các nguồn lực của mình như nhân lực, công nghệ và khả năng tài chính; đồng thời căn cứ vào mô hình khung CDS cho DNNVV mà xây dựng phát triển hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ chuyển đổi số, trong đó nên ưu tiên triển khai các nền tảng ứng dụng tập trung, dùng chung kết nối chia sẻ, từ đó giúp DN cải tiến, tối ưu và tự động hóa quy trình hoạt động, nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc.

Thứ hai, xây dựng lộ trình chuyển đổi cụ thể. Hiện tại, DNNVV Việt Nam đang đứng trước rất nhiều rào cản khi thực hiện CDS. Tuy nhiên, các DNNVV lại có quy mô nhân lực ít, bộ máy ít công kênh nên có nhiều thuận lợi và dễ thành công hơn trong việc thiết lập lộ trình cụ thể để khắc phục từng rào cản trong quá trình CDS trong hoạt động quản trị DN. Việc thiết lập lộ trình cụ thể giúp DN chia đều các gánh nặng về chi phí trong quá trình CDS, đồng thời hoàn thành dứt điểm được từng bước trong lộ trình để đảm bảo phát triển bền vững. Các DNNVV cần nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy bằng việc tham gia các khóa đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau: đào tạo tại chỗ, đào tạo trực tuyến hay đào tạo với huấn luyện viên trực tuyến.

Thứ ba, thúc đẩy hỗ trợ CDS và tiếp cận tài chính cho DNNVV. DNNVV chỉ đủ khả năng chi trả cho sản xuất cơ bản, nhưng đầu tư lớn cho CDS thì không phải DN nào cũng làm được ngay, bởi các vấn đề chi phí, tư vấn, định giá, giải pháp thực hiện, bảo mật thông tin,... Bên cạnh đó, vấn đề vay vốn ngân hàng cũng gặp nhiều hạn chế do chưa đáp ứng được yêu cầu về điều kiện vay vốn ngân hàng, năng lực quản lý dòng vốn. Do đó, Nhà nước cần xây dựng chính sách khuyến khích CDS, hỗ trợ vốn vay, lãi vay ưu đãi cho DN CDS, đây là những chính sách rất cấp thiết để đáp ứng yêu cầu vận hành, sử dụng các công nghệ mới trong DN.

Thứ tư, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ CDS. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 một mặt đang tạo ra sự thay đổi nhanh chóng trong cách quản lý, điều hành cũng như quá trình phát triển của DN. Mặt khác, Cách mạng Công nghiệp 4.0 cũng có thể phá vỡ thị trường lao động truyền thống, bởi vì khi tự động hóa đang dần thay thế lao động chân tay trong nền kinh tế, robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực, hàng triệu lao động trên thế giới có thể rơi vào cảnh thất nghiệp. Điều này cũng là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến xu hướng quản trị nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số hiện nay.

CDS cần có nguồn nhân lực chất lượng cao để có thể làm chủ công nghệ mới, phục vụ cho việc triển khai CDS và đó cũng là điều mà các DNNVV gặp khó khăn. Trên bình diện quốc gia, mỗi năm Việt Nam thiếu khoảng 90.000 nhân lực để phát triển nền kinh tế số, xã

hội số, trong khi các chương trình đào tạo ngành công nghệ thông tin trong nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu [9]. Con người là nguồn lực quý giá nhất của DN. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực phải là một bộ phận trong chiến lược phát triển dài hạn của DN. Trong đó, trước hết, cần có giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện hữu của DN, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, chuyên viên chủ chốt thông qua các hoạt động huấn luyện, cập nhật kiến thức, trang bị kỹ năng cần thiết; thành thạo năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; biết ngoại ngữ, trước hết là tiếng Anh; thành thạo công nghệ thông tin, máy tính,... để nâng cao năng suất lao động; coi trọng công tác tuyển dụng, có chiến lược để bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho DN.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Các DN cần phải thúc đẩy ứng dụng CNTT mạnh mẽ hơn trong tất cả các hoạt động quản lý, tác nghiệp của mình. Ứng dụng CNTT được coi là nền tảng cơ bản cho quá trình CDS của DN, là giải pháp tối ưu với chi phí hợp lý để giúp các DN, đặc biệt là các DNNVV vượt qua khó khăn và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hiện nay.

5. KẾT LUẬN

CDS đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu từ phạm vi cá nhân, công ty đến phạm vi quốc gia và toàn cầu. Đó là một tiến trình không chỉ dừng lại ở việc áp dụng kỹ thuật số mà là một quá trình thay đổi diễn ra ở mọi khía cạnh trong doanh nghiệp từ tiến trình sản xuất kinh doanh, con người đến chiến lược của công ty; mang lại giá trị cho khách hàng, công ty, nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty. Với sự phát triển của khoa học công nghệ và sự thay đổi hành vi của người tiêu dùng, CDS là xu hướng tất yếu mà các DN phải thực hiện, đặc biệt đối với các DNNVV trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19. Bài viết đã chỉ ra thực trạng CDS tại DNNVV trong các khâu như quản trị nội bộ, mua hàng, logistics, sản xuất, marketing, bán hàng và thanh toán.

Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được các rào cản, khó khăn chính trong việc ứng dụng công nghệ số, như thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ số (Ví dụ, cơ sở hạ tầng CNTT chưa phát triển), chi phí ứng dụng công nghệ số cao, thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ số và sợ rò rỉ thông tin cá nhân và thiếu nhân lực nội bộ để ứng dụng công nghệ số. Do đó, trong giai đoạn tới để thúc đẩy phát triển CDS trong DNNVV, cần quan tâm tới các giải pháp xây dựng chiến lược, lộ trình chuyển đổi, hỗ trợ tài chính và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNTT để giúp DNNVV vượt qua khó khăn và nâng cao năng lực cạnh tranh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. <https://tapchinganhang.gov.vn/chuyen-doi-so-giai-phap-phat-trien-doanh-nghiep-trong-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu.htm>, truy cập ngày 06/08/2022

- [2]. Vũ Thúy Hằng (2021), *Phân tích các tài liệu về CĐS của DN vừa và nhỏ bằng phương pháp trắc lượng thư mục, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế lần 3 năm 2022: Thương mại và phân phối*, trang 19-32.
- [3]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT - Chương trình Hỗ trợ Doanh nghiệp Chuyển đổi số - giai đoạn 2021-2025*.
- [4]. Phạm Thị Mai Quỳnh (2021), *Chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế lần 3 năm 2022: Thương mại và phân phối*, trang 177-190.
- [5]. <http://thongke.cesti.gov.vn/an-pham-thong-ke/thong-tin-chuyen-de-khoa-hoc-cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao/892-chuyen-doi-so-doanh-nghiep-nho-va-vua-thuc-trang-den-giai-phap>, truy cập ngày 06/08/2022
- [6]. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2020), *Chuyển đổi số: Giải pháp giúp doanh nghiệp vượt qua đại dịch COVID-9 và phát triển*. <http://vbis.vn/chuyen-doi-so-giai-phap-giup-doanh-nghiep-vuot-qua-covid-19-va-phat-trien.html>, truy cập ngày 06/08/2022.
- [7]. https://skhcn.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/4roH7oNwBEIm/content/kho-khan-cua-doanh-nghiep-khi-chuyen-oi-so, truy cập ngày 13/08/2022.
- [8]. Bộ Công thương, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (2021), *Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam năm 2021*.
- [9]. <https://tapchinganhang.gov.vn/chuyen-doi-so-giai-phap-phat-trien-doanh-nghiep-trong-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu.htm> truy cập ngày 10/08/2022.

THÔNG TIN TÁC GIẢ



Nguyễn Thị Quỳnh

- Năm 2013: Tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán, Trường Đại học Thương mại.
- Tóm tắt công việc hiện tại: Giảng viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Sao Đỏ.
- Lĩnh vực quan tâm: kế toán DN, kế toán hành chính sự nghiệp, quản trị kinh doanh, bảo hiểm, thuế.
- Điện thoại: 0977567238; Email: quynhnguyen.neu@gmail.com.

THỂ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 4 (79)
2022

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.